

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/DS-PT

Ngày 25 - 5 - 2022

V/v tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Thẩm phán:*

Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Lê Thị Trúc Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLPT-DS ngày 23/02/2022 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 341, đường Ngô Thời Nhậm, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (Có mặt). Địa chỉ: Tổ 29, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 07/5/2020).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Cao Minh H1, sinh năm 1972 (Có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Mộng L, sinh năm 1974;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mộng Linh là: Cao Minh H1, sinh năm 1972 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022, có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 01A (Cơm 90), đường Trần Thị Nhượng, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết làm ăn nên từ năm 2014 đến 2016, nguyên đơn ông Trần Văn H nhiều lần đi vay tiền rồi cho bị đơn là vợ chồng ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L vay lại. Khi vay tiền thì ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L có làm biên nhận, lãi suất các bên thỏa thuận là 01%/ tháng nhưng không có ghi vào biên nhận, thời hạn là khi nào vợ chồng ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L làm xong công trình xây dựng và công trình điện thì trả tiền vốn và tiền lãi theo từng biên nhận vay tiền. Sau nhiều lần vay tiền, ông Cao Minh H1 và chị Nguyễn Mộng L trả cho nguyên đơn 400.000.000 đồng vào ngày 15/01/2016; trả 06 lần mỗi lần 10.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng không nhớ ngày tháng. Số tiền nợ còn lại ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L hứa năm 2019 sẽ vay ngân hàng để trả hết cho nguyên đơn, nhưng năm 2019 ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L chỉ trả thêm 100.000.0000 đồng. Sau đó, nguyên đơn có gặp ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L yêu cầu trả tiền nhưng ông bà không chịu trả mà còn thách nguyên đơn đi khởi kiện ở Tòa án. Hiện nay, ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L còn nợ ông Trần Văn H số tiền theo các giấy mượn tiền cụ thể như sau: Ngày 18/4/2014 số tiền 205.000.000 đồng; Ngày 18/4/2014 số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 12/6/2014 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 13/6/2014 số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 14/6/2014 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 16/6/2014 số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 16/6/2014 số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 21/12/2014 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/12/2014 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 23/12/2014 số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 15/02/2015 số tiền 60.000.000 đồng; Ngày 18/02/2015 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 18/02/2015 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 18/02/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 21/8/2015 số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 22/8/2015 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 25/8/2015 số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 25/8/2015 số tiền 34.000.000 đồng; Ngày 26/8/2015 số tiền 76.000.000 đồng; Ngày 27/8/2015 số tiền 130.000.000 đồng; Ngày 28/8/2015 số tiền 70.000.000 đồng; Ngày 28/8/2015 số tiền 130.000.000 đồng; Ngày 31/8/2015 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 31/8/2015 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 01/9/2015 số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 02/9/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 04/9/2015 số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 05/9/2015 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 07/9/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 10/9/2015 số tiền 60.000.000 đồng; Ngày 17/11/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 20/11/2015 số tiền 560.000.000 đồng; Ngày 21/11/2015 số tiền 310.000.000 đồng; Ngày 24/11/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 24/11/2015 số tiền 260.000.000 đồng; Ngày 24/11/2015 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 24/11/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 25/11/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 26/11/2015 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 27/11/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 06/12/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 08/12/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 28/12/2015 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 29/12/2015 số tiền 415.000.000 đồng; Ngày 12/01/2016 số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 03/02/2016 số tiền 50.000.000 đồng.

Nội dung các biên nhận là do ông Trần Văn H viết, ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L ký tên và ghi họ tên việc này đã được xác nhận bằng kết luận giám định. Do nguyên đơn cho vợ chồng ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L vay tiền nhiều

lần nên trên các giấy mượn tiền ghi chữ “thêm” có nghĩa là ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L vay thêm tiền, khi nào giấy mượn tiền các mặt trước sau ghi đầy hoặc ngày cách xa thì mới ghi giấy mượn tiền mới nên trên cùng 01 biên nhận mới có nhiều khoản vay của nhiều ngày khác nhau. Khi hỏi vay tiền, có khi ông Cao Minh H1, có khi bà Nguyễn Mộng L liên hệ hỏi vay. Các lần nhận tiền thì ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L cùng nhận tiền, nơi nhận tiền có khi là nhà nguyên đơn, có khi nhà của ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L.

Đối với giấy mượn tiền ngày 23/12/2014, vợ chồng ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L cùng ngày có vay 570.000.000 đồng sau đó bị đơn trả 270.000.000 đồng nên mặt sau ghi “còn thiếu 300.000.000 đồng”. Đây là số tiền còn thiếu của khoản vay ngày 23/12/2014 không phải số tiền còn thiếu của các khoản vay trước đó.

Đối với các giấy mượn tiền ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L ký ở phần người bảo lãnh mà không ký ở phần người mượn vì số tiền này do nguyên đơn đi vay của người khác dùm cho bị đơn. Chỉ có giấy mượn tiền ngày 21/12/2014 là ông Cao Minh H1 ký chỗ người mượn vì đây là tiền của nguyên đơn. Các số tiền nguyên đơn vay mượn dùm cho ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L hiện nay nguyên đơn đã bán nhà để trả cho những người này xong, nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với những người này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đối với số tiền 200.000.000 đồng trong Giấy mượn tiền đề ngày 17/3/2016 và số tiền 200.000.000 đồng mượn không ghi biên nhận, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trong vụ án này, sau này nếu có yêu cầu nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với “Hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất để vay vốn” ông Trần Văn H nộp cho Tòa án để tham khảo làm mẫu đối chiếu giám định không có yêu cầu gì đối với số tiền ghi trong văn bản này.

Tổng cộng số tiền ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L còn nợ ông Trần Văn H là 3.932.000.000 đồng, trừ số đã trả 563.000.000 đồng. Còn lại tiền vốn chưa trả là 3.369.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất.

Đối với Kết luận giám định số 6058/C09B ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn thống nhất, không yêu cầu giám định lại.

*Bị đơn ông Cao Minh H1 trình bày:*

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông cho rằng ông và vợ là Nguyễn Mộng L không nhờ nguyên đơn vay mượn tiền dùm và cũng không có vay mượn tiền gì của nguyên đơn ông Trần Văn H.

Đối với các biên nhận nguyên đơn nộp cho Tòa án là do trước đây nguyên đơn là người làm thuê cho vợ chồng ông. Sau đó, nguyên đơn có làm bãi giữ xe tại chợ C, từ năm 2003 đến năm 2010, vợ chồng ông có hợp tác làm ăn cùng nguyên đơn bằng hình thức vay tiền của các tiểu thương ở chợ C sau đó cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Do có hợp tác làm ăn nên ông và vợ là bà Nguyễn Mộng L ký chữ ký trước vào các giấy mượn tiền này ở phần người bảo lãnh rồi đưa cho nguyên đơn đi vay tiền của các tiểu thương chợ C, mục đích của việc ký trước ở phần người bảo lãnh là để những người cho vay tiền tin tưởng. Tuy không phải tất cả những người cho vay tiền đều quen biết vợ chồng

ông, nhưng việc ông ký trước là để tạo niềm tin. Cách thức thực hiện là vợ chồng ông đưa trước các giấy mượn tiền có ký sẵn cho nguyên đơn, khi nguyên đơn hỏi vay được tiền thì ghi nội dung vào, sau đó tìm người khác cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi. Ông và bà Nguyễn Mộng L giao toàn bộ việc quản lý giấy mượn tiền, số tiền vay cho nguyên đơn, hết ngày thì vợ chồng ông tính toán tiền lời lãi và lấy lại các giấy mượn tiền xé bỏ. Các giấy mượn tiền nguyên đơn nộp cho Tòa án là do vợ chồng ông quên lấy lại nên nguyên đơn tự ý lấy và ghi số tiền vào để đòi nợ ông. Các chữ ký ở mặt sau cũng là vợ chồng ông ký trước.

Tuy nhiên từ năm 2010, do nhận thức được việc cho vay tiền lấy lãi suất cao là vi phạm pháp luật nên vợ chồng ông không còn hợp tác với nguyên đơn nữa, từ đó đến nay ông cũng không còn hợp tác làm ăn gì với nguyên đơn. Nay nguyên đơn tự ghi các giấy mượn tiền nên ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, ông cho rằng khi vay số tiền lớn phải làm hợp đồng ghi đầy đủ nội dung tương tự như việc ông có vay tiền của nguyên đơn theo “Giấy mượn tiền đề ngày 17/3/2016”, khi vay số tiền tiền lớn như vậy ông sẽ làm hợp đồng và thế chấp tài sản để vay tiền như “Hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất để vay vốn” ngày 17/3/2016. Còn việc ông vay số tiền có lúc hơn 400.000.000 đồng nhưng ghi chỉ mấy chữ trên giấy mượn tiền là không có cơ sở.

Đối với “Giấy mượn tiền ngày 21/12/2014”, ông có mượn tiền của nguyên đơn 10.000.000 đồng nhưng ông trả đầy đủ cho nguyên đơn, số tiền ở mặt sau ông không vay mượn gì của nguyên đơn, nội dung mặt sau cũng là ông ký trước nguyên đơn tự ý ghi nội dung vào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông thống nhất với Kết luận giám định số 6058/C09B ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định lại.

*Bị đơn chị Nguyễn Mộng L trình bày:* Chị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

\* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST, ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng trong “Giấy mượn tiền đề ngày 17/3/2016” và số tiền 200.000.000 đồng mượn không ghi biên nhận. Tổng cộng số tiền là 400.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Buộc ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền vốn vay còn nợ là 3.369.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2022 ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L có đơn kháng cáo toàn bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST, ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Cao Minh H1, bà Linh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H thay đổi yêu cầu khởi kiện do ông Trần Văn H và ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L đã thỏa thuận được toàn bộ vụ án. Ông Trần Văn H đồng ý giảm một phần tiền nợ cho bị đơn, chỉ yêu cầu ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L cùng liên đới trả số tiền nợ là 1.600.000.000 đồng. Vào ngày 25/5/2022, bị đơn đã trả cho ông Trần Văn H số tiền 1.000.000.000 đồng có làm biên nhận tiền. Nay ông Trần Văn H chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng. Ngoài ra bị đơn không còn nợ nguyên đơn khoản tiền nào khác ngoài số tiền 600.000.000 đồng này.

Ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L trình bày: Đối với việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đồng ý. Vào ngày 25/5/2022 bị đơn và ông Trần Văn H đã thỏa thuận được toàn bộ vụ án. Bị đơn đã trả cho ông Trần Văn H số tiền 1.000.000.000 đồng có làm biên nhận tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng, bị đơn đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, Bị đơn có trách nhiệm cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của ông, bà được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đồng ý yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 1.600.000.000 đồng do hai bên đã thỏa thuận được việc trả nợ. Vào ngày 25/5/2022, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng (có biên nhận nhận tiền). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý việc thay đổi

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào ngày 25/5/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng có làm biên nhận nhận tiền như nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng. Ngoài ra hai bên nguyên, bị đơn cũng thống nhất không còn nợ tiền gì của nhau ngoài số tiền 600.000.000 đồng bị đơn còn tiếp tục trả cho nguyên đơn.

Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và bị đơn đồng ý việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng. Sự thống nhất thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án số 01/2022/DS-ST, ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 155, Điều 357, Điều 429, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST, ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Trần Văn H và bị đơn ông Cao Minh H1, bà Nguyễn Mộng L về việc tự nguyện thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay.

Buộc ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền vay còn nợ là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L phải chịu 28.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông Cao Minh H1 và bà Nguyễn Mộng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005382 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố C ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Thành**